

**PHỤ LỤC**

**Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (đến tháng 04/2024)**

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
<b>B</b>	<b>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng	768,40	384,70	2.276,00	1.743,44	2.565,00	0,00
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	668,00	334,00	1.979,00	1.528,89	2.332,00	
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	67,00	34,00	213,00	152,72	233,00	
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	33,40	16,70	84,00	61,83		
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>							
2,1	Số dự án, mô hình giảm nghèo được triển khai (theo từng dự án)	Dự án		2		6		
2,2	Số người được hỗ trợ, trong đó thuộc:	Người		15		63		
	Hộ nghèo			9		39		
	Hộ cận nghèo			2		12		
	Hộ mới thoát nghèo			3		6		
	Hộ khác			1		6		
2,3	Số phụ nữ được hỗ trợ	Người		5		19		
<b>C</b>	<b>Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</b>		382,65	20,22	1.270,00	1.144,82	1.414,00	0,00
<b>I</b>	<b>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực NN</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng	382,65	20,22	983,00	982,32	1.040,00	0,00
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	333,00	20,22	855,00	855,00	945,00	
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	33,00	0,00	86,00	86,00	95,00	
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	16,65	0,00	42,00	41,32		
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>							

2,1	Số dự án, mô hình phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp được triển khai (theo từng dự án)			1		2		
2,2	Số người được hỗ trợ, trong đó thuộc	Người		11		30		
	Hộ nghèo	Người		5		18		
	Hộ cận nghèo	Người		3		7		
	Hộ mới thoát nghèo	Người		0		2		
	Hộ khác	Người		3		3		
2,3	Số phụ nữ được hỗ trợ	Người		4		11		
<b>II</b>	<b>Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng	0,00	0,00	287,00	162,50	374,00	0,00
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	0,00	0,00	250,00	151,70	340,00	
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	0,00	0,00	25,00	10,80	34,00	
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	0,00	0,00	12,00	0,00		
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>							
2,1	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 5 tuổi được hỗ trợ	Trẻ					73	
2,2	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm dưới 5 tuổi được hỗ trợ	Trẻ					43	
2,3	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi từ 5 đến dưới 16 tuổi được hỗ trợ	Trẻ					253	
2,4	Số trẻ suy dinh dưỡng BMI từ 5 đến dưới 16 tuổi được hỗ trợ	Trẻ					75	
<b>D</b>	<b>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</b>		809,20	18,90	1.498,00	120,38	2.265,00	0,00
<b>I</b>	<b>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí, trong đó:</b>	Triệu đồng	633,55	18,90	1.035,00	48,08	1.672,00	0,00
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	551,00	16,00	900,00	44,38	1.520,00	
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	55,00	1,90	90,00	3,70	152,00	
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	27,55	1,00	45,00			
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>							
2,1	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp							

	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ xây dựng, mua sắm thiết bị, phương tiện đào tạo, sửa chữa, cơ sở vật chất từ nguồn vốn đầu tư phát triển	Số CSGDNN						
	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ mua sắm thiết bị, phương tiện đào tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất từ nguồn vốn sự nghiệp	Số CSGDNN						
2,2	Xây dựng các chuẩn, phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý							
	- Số lượng chuẩn được xây dựng	Ngành/ngành						
	- Kết quả thực hiện việc phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia							
2,3	<b>Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm</b>							
	- Số lượng cuộc điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu	Cuộc điều tra						
	- Kết quả, phương thức truyền thông, hướng nghiệp							
	+ Số sản phẩm tuyên truyền	bài						
	+ Số người được tư vấn hướng nghiệp	Người		106		600		
	- Kết quả thực hiện hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm...							
	- Số hoạt động tổ chức	Cuộc						
2,4	<b>Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã</b>							
	Số mô hình được triển khai	Mô hình						
2,5	<b>Đào tạo nghề cho người lao động</b>							
	Tổng số người được đào tạo (chia từng đối tượng cụ thể).	Người						
	Người thuộc hộ nghèo	Người						
	Người thuộc hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Người						
	Người thuộc hộ cận nghèo	Người						

	<i>Người thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo</i>	Người						
	<i>Người mới thoát nghèo</i>	Người						
	<i>Người thuộc hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo</i>	Người						
	<i>Khác</i>	Người						
	<i>Trên địa bàn huyện nghèo</i>	Người						
<b>II</b>	<b>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí, trong đó:</b>	Triệu đồng	175,65	0,00	463,00	72,30	593,00	0,00
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	153,00	0,00	403,00	69,98	539,00	
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	15,00	0,00	40,00	2,33	54,00	
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	7,65	0,00	20,00			
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	Triệu đồng						
<b>2,1</b>	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin</b>							
a	Số lượng Trung tâm dịch vụ việc làm được hỗ trợ							
b	Số lượng máy móc, trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp	Máy móc/trang thiết bị						
c	Phần mềm được đầu tư, nâng cấp	Phần mềm						
<b>2,2</b>	<b>Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc</b>							
a	Người tìm việc được thu thập, cập nhật thông tin	người						
	Trong đó:							
	- Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	người						
	- Thuộc huyện nghèo	người						
	- Thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	người						
	- Lao động nữ	người						
b	Người sử dụng lao động được thu thập, cập nhật thông tin	Đơn vị						
<b>2,3</b>	<b>Hỗ trợ giao dịch việc làm</b>							
	- Số phiên giao dịch việc làm/ ngày hội việc làm	Phiên/ngày hội			2	2	2	
	- Số doanh nghiệp, hợp tác xã, Hộ kinh doanh, Cơ sở đào tạo tham gia	Đơn vị						

	- Số lao động được hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm	Người				400		
	Trong đó:							
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	người						
	+ Thuộc huyện nghèo	người						
	+ Thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	người						
	+ Lao động nữ	người						
<b>2,4</b>	<b>Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư</b>							
	- Số lao động được thu thập, cập nhật thông tin	Người				11.641		
	Trong đó:							
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người						
	+ Thuộc huyện nghèo	Người						
	+ Thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Người						
	+ Lao động nữ	Người						
<b>2,5</b>	<b>Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động</b>							
	- Khảo sát/điều tra thu thập thông tin thị trường lao động	Cuộc				1		
	- Phân tích/dự báo thị trường lao động	Ấn phẩm						
<b>2,6</b>	<b>Hỗ trợ kết nối việc làm thành công</b>							
	- Số lao động được kết nối việc làm thành công (có giao kết hợp đồng lao động)	Người						
	Trong đó:							
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người						
	+ Thuộc huyện nghèo	Người						
	+ Thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Người						
	+ Lao động nữ	Người						
<b>Đ</b>	<b>Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</b>		47,05	37,90	415,00	413,57	255,00	0,00
<b>I</b>	<b>Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng	21,95	12,90	299,00	297,69	131,00	0,00

1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	19,00	11,20	260,00	258,86	119,00	
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	2,00	1,20	26,00	25,89	12,00	
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	0,95	0,50	13,00	12,94		
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>							
<b>2,1</b>	<b>Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin, truyền truyền</b>							
2.1.1	Số lượng lớp	Lớp		1				
2.1.2	Số lượng cán bộ	Cán bộ		70				
<b>2,2</b>	<b>Phát triển các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại</b>							
2.2.1	Thiết lập mới Cụm thông tin điện tử	Cụm				7		
2.2.2	Nâng cấp Cụm thông tin điện tử	Cụm						
<b>2,3</b>	<b>Trang bị cho các đồn biên phòng hệ thống phương tiện, thiết bị phục vụ thông tin, tuyên truyền</b>	Đồn						
<b>2,4</b>	<b>Thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã ở các xã</b>							
2.4.1	Đầu tư thiết lập mới đài truyền thanh xã	Đài						
2.4.2	Nâng cấp, mở rộng đài truyền thanh xã	Đài						
<b>2,5</b>	<b>Tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội</b>							
<b>2.5.1</b>	<b>Sản xuất mới các tác phẩm báo chí và các sản phẩm truyền thông đăng tải trên mạng internet, mạng xã hội</b>							
<b>a</b>	<b>Các chương trình phát thanh, truyền hình. Trong đó:</b>							
	- Số lượng chương trình phát thanh	Chương trình						
	- Số lượng chương trình truyền hình	Chương trình						
<b>b</b>	<b>Đối với báo in</b>							
	- Số lượng ấn phẩm	Sản phẩm						
	- Số lượng tờ phát hành	Tờ						
<b>c</b>	<b>Đối với báo điện tử</b>							
	- Số lượng bài/ảnh	bài/ảnh						
	- Số lượng file điện tử	(audio/video)						
	- Các hình thức khác							

<i>d</i>	<b>Đối với sản phẩm truyền thông đăng tải trên mạng internet, mạng xã hội (ghi chi tiết sản phẩm)</b>							
<b>2.5.2</b>	<b>Sản xuất các xuất bản phẩm mới, trong đó:</b>							
<i>a</i>	<b>Đối với xuất bản phẩm in</b>							
	- Số đầu sách	đầu sách						
	- Số lượng sách	cuốn						
<i>b</i>	<b>Đối với xuất bản phẩm điện tử</b>							
	- Sách điện tử thông thường	Tác phẩm						
	- Sách nói.	Tác phẩm						
	- Sách Multimedia.	Tác phẩm						
	- Sách tóm tắt.	Tác phẩm						
<b>2.5.3</b>	<b>Lựa chọn tác phẩm báo chí có nội dung thiết yếu, có giá trị phổ biến lâu dài để chuyển sang định dạng số và phát hành trên không gian mạng</b>							
	- Số lượng tác phẩm báo in	Tác phẩm						
	- Số lượng tác phẩm tạp chí in	Tác phẩm						
<b>2.5.4</b>	<b>Lựa chọn xuất bản phẩm in đã xuất bản qua các thời kỳ có giá trị về nội dung và có ý nghĩa lâu dài để xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử</b>							
	- Số lượng sách điện tử đơn giản	Tác phẩm						
	- Số lượng sách nói	Tác phẩm						
	- Số lượng Sách Multimedia	Tác phẩm						
<b>2.5.5</b>	<b>Các sản phẩm truyền thông khác</b>							
<b>II</b>	<b>Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng	25,10	25,00	116,00	115,88	124,00	0,00
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	22,00	22,00	101,00	101,00	113,00	
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	2,00	2,00	10,00	10,00	11,00	
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	1,10	1,00	5,00	4,88		
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>							
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:							
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình						

	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình		80				
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:							
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình						
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				4		
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:							
	+ Số lượng chuyên san được xuất bản	Ấn phẩm						
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip						
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	Ấn phẩm						
	+ Số lượng pano tuyên truyền được dựng	Cái				6		
	- Số lượng tọa đàm, đối thoại được tổ chức thực hiện							
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do Bộ, ngành tổ chức thực hiện	Cuộc						
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do địa phương tổ chức thực hiện	Cuộc						
	- Số lượng sách chuyên đề về giảm nghèo do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:							
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm						
	+ Số lượng sách	Cuốn						
	- Số lượng các cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo							
	+ Số cuộc đối thoại (theo các cấp)	Đối thoại						
	+ Số người tham gia đối thoại	Người						
<b>E</b>	<b>Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình</b>		307,35	166,01	482,00	321,16	692,00	0,00
<b>I</b>	<b>Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng	202,80	126,99	316,50	228,18	430,00	0,00
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	176,00	114,37	276,00	201,99	391,00	
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	18,00	8,92	28,00	19,21	39,00	
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	8,80	3,70	12,50	6,98		
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>							



	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)							
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp	5	5	8	7		
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ		381		405		
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)"							
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp						
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ						
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn (theo hình thức tham quan, trao đổi kinh nghiệm)							
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Chuyên	4	4	7	6		
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Người		171		207		
<b>II</b>	<b>Tiêu dự án 2. Giám sát, đánh giá</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng	104,55	39,02	165,50	92,98	262,00	0,00
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	91,00	33,25	144,00	80,75	238,00	
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	9,00	4,73	14,00	8,49	24,00	
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	4,55	1,05	7,50	3,74		
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>							
	Số đoàn kiểm tra (theo các cấp kiểm tra)	Đoàn						
	Cấp tỉnh	Đoàn				2		
	Cấp huyện	Đoàn	2	2	1	1	2	1
	Cấp xã	Đoàn	3	3	5	5	5	
	<b>Tổng kinh phí</b>	Triệu đồng	2.314,65	627,73	5.941,00	3.743,36	7.191,00	0,00
*	<b>Ngân sách trung ương</b>	Triệu đồng	2.013,00	551,03	5.168,00	3.292,54	6.537,00	0,00
*	<b>Ngân sách tỉnh</b>	Triệu đồng	201,00	52,75	532,00	319,13	654,00	0,00
*	<b>Ngân sách huyện</b>	Triệu đồng	100,65	23,95	241,00	131,69	0,00	0,00